

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Hoàng Thị Bích Ngọc** và bà **Trần Thị Yến**

Nhi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà **Hoàng Thị Thanh Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 305/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** anh **Mai Trần L** – sinh năm 1988

Nơi cư trú: thôn Long Tiên, xã Nam Tiên Hưng (xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cũ), tỉnh Hưng Yên.

- ***Bị Đơn:*** chị **Nguyễn Thị Ph** – sinh năm 1986

Nơi cư trú: ấp Thanh Lâm, xã P(xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2025; lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn là anh Mai Trần L trình bày:

Về hôn nhân: anh L và chị Ph tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 07/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cũ (nay là Nam Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên). Đời sống hôn nhân của anh không được hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường hay xảy ra cãi vã. Từ năm 2009 cho đến nay anh và chị Ph đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay anh không còn tình cảm với chị Ph và để ổn định cuộc sống riêng, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ph.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ph: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị Ph vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của chị Ph.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh L , cho anh Mai Trần L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph.
- Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về tài sản, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: anh L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn chị Nguyễn Thị Ph cư trú tại xã Phú Lâm (xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: anh L yêu cầu khởi kiện ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: anh Mai Trần L là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Ph là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L và chị Ph nhưng anh L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ph vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: anh L và chị Ph có đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cũ (nay là Nam Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên). Vì vậy, hôn nhân giữa anh L và chị Ph là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đời sống hôn nhân của anh L và chị Ph không được hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường hay xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh L, chị Ph đã không còn sống chung với nhau từ năm 2009 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Từ những lý do nêu trên, xác định được anh L và chị Ph trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị Ph là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về con chung: không có, Tòa án không xem xét, giải quyết

[5.3] Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[6] Về án phí: anh Mai Trần L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 85, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Mai Trần L. Anh Mai Trần L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph.

- Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: anh Mai Trần L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai số 0020818 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Đồng Nai, Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai). Anh L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã N, tỉnh Hưng Yên (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**